

**NGHỊ QUYẾT**

**Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Xét Tờ trình số 425 /TTr-UBND, ngày 22 tháng 11 năm 2022 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 75/BC- PC ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2023 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế công chức hành chính và biên chế công chức phường thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị: 10.545 biên chế.
2. Biên chế viên chức tại các đơn vị sự nghiệp, các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã: 113.662 biên chế.
3. Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính: 1.079 chỉ tiêu.
4. Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã: 10.415 chỉ tiêu.
5. Chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức tại các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội đặc thù phạm vi Thành phố và các quận, huyện, thị xã: 8.293 chỉ tiêu.

*(Kèm theo biểu số 01, 02)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo đúng Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2023, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp, UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2023.

2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026. Thường xuyên nắm bắt, làm tốt công tác tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để từ đó lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị.

3. Hoàn thiện Đề án “Đánh giá thực trạng biên chế sự nghiệp khối giáo dục của Thành phố; đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách, quy trình, định mức, đơn giá đào tạo, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu; đổi mới phương thức hoạt động đơn vị sự nghiệp gắn với việc đẩy mạnh chuyển đổi số”.

4. Rà soát xây dựng đề án vị trí việc làm các Hội đặc thù, từng bước nghiên cứu thực hiện phương án giao khoán kinh phí hoạt động đối với các Hội theo quy định.

5. Tiếp tục triển khai có hiệu quả thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội; kịp thời kiểm tra, rà soát, khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; báo cáo các cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến đối với những nội dung vượt thẩm quyền, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Tiếp tục rà soát tổ chức sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

7. Rà soát, điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành và phù hợp với thực tiễn quản lý để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

8. Nghiên cứu bố trí nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để đảm bảo hoạt động ổn định, nâng cao thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện tinh giảm biên chế.

9. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: Tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất.

10. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy nhanh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác ĐBQH, VPQH, VPCP;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐNDTP, UBND TP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Tuấn**

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC  
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ HỘI THUỘC PHẠM VI  
CẤP THÀNH PHỐ, CẤP HUYỆN NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27 /NQ-HĐND ngày 08 /12/2022 của HĐND Thành phố)*

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2023				Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)
		Tổng cộng	Biên chế công chức		Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	
			Tổng số	Trong đó:		
			Khối công chức cấp huyện trở lên	Khối công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP		
	<b>TOÀN THÀNH PHỐ</b>	<b>124 207</b>	<b>10 545</b>	<b>7 920</b>	<b>2 625</b>	<b>113 662</b>
<b>I</b>	<b>KHỐI CÁC SỞ, NGÀNH</b>	<b>26 925</b>	<b>3 314</b>	<b>3 314</b>		<b>23 611</b>
1	Văn phòng UBND Thành phố	173	147	147		26
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	62	62	62		
3	Sở Thông tin và Truyền thông	133	69	69		64
4	Sở Nội vụ	149	126	126		23
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1 680	575	575		1 105
6	Sở Công Thương	183	122	122		61
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	187	158	158		29
8	Sở Tài chính	229	213	213		16
9	Sở Xây dựng	200	200	200		
10	Sở Giao thông Vận tải	478	408	408		70
11	Sở Khoa học và Công nghệ	157	97	97		60
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1 229	146	146		1 083
13	Sở Giáo dục và đào tạo	10 336	126	126		10 210
14	Sở Y tế	9 804	153	153		9 651
15	Sở Văn hóa và Thể thao	1 103	107	107		996
16	Sở Du lịch	52	52	52		
17	Sở Tư pháp	155	73	73		82
18	Sở Ngoại vụ	33	33	33		
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	261	170	170		91
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	115	91	91		24
21	Thanh tra Thành phố	112	112	112		
22	Ban Dân tộc	21	21	21		
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	73	53	53		20

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2023				
		Tổng cộng	Biên chế công chức			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)
			Tổng số	Trong đó:		
				Khối công chức cấp huyện trở lên	Khối công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	
II	<b>KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND THÀNH PHỐ</b>	<b>900</b>				<b>900</b>
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	91				91
2	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	94				94
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	65				65
4	Trường Đại học Thủ đô	303				303
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	112				112
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	104				104
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	105				105
8	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	26				26
III	<b>KHỐI CHÍNH QUYỀN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ</b>	<b>96 222</b>	<b>7 231</b>	<b>4 606</b>	<b>2 625</b>	<b>88 991</b>
1	UBND quận Hoàn Kiếm	2 019	444	174	270	1 575
2	UBND quận Hai Bà Trưng	3 002	448	178	270	2 554
3	UBND Quận Ba Đình	2 657	375	165	210	2 282
4	UBND quận Đống Đa	3 271	514	199	315	2 757
5	UBND quận Tây Hồ	1 578	268	148	120	1 310
6	UBND Quận Thanh Xuân	2 373	316	151	165	2 057
7	UBND quận Cầu Giấy	2 447	269	149	120	2 178
8	UBND Quận Hoàng Mai	3 401	380	170	210	3 021
9	UBND Quận Long Biên	3 720	372	162	210	3 348
10	UBND quận Nam Từ Liêm	2 269	304	154	150	1 965
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	2 720	350	155	195	2 370
12	UBND quận Hà Đông	4 492	430	175	255	4 062
13	UBND huyện Thanh Trì	3 511	173	173		3 338
14	UBND huyện Gia Lâm	3 441	179	179		3 262
15	UBND huyện Đông Anh	4 849	191	191		4 658
16	UBND huyện Sóc Sơn	4 804	196	196		4 608
17	UBND Huyện Ba Vì	4 402	148	148		4 254

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2023				
		Tổng cộng	Biên chế công chức			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)
			Tổng số	Trong đó:		
				Khối công chức cấp huyện trở lên	Khối công chức phường theo Nghị định số 32/2021/NĐ-CP	
18	UBND thị xã Sơn Tây	2 173	282	147	135	1 891
19	UBND huyện Thạch Thất	3 227	134	134		3 093
20	UBND huyện Phúc Thọ	2 822	127	127		2 695
21	UBND huyện Đan Phượng	2 423	132	132		2 291
22	UBND huyện Hoài Đức	3 722	141	141		3 581
23	UBND huyện Quốc Oai	3 172	133	133		3 039
24	UBND huyện Chương Mỹ	4 306	140	140		4 166
25	UBND huyện Thanh Oai	2 949	126	126		2 823
26	UBND huyện Thường Tín	3 530	131	131		3 399
27	UBND huyện Ứng Hòa	3 064	130	130		2 934
28	UBND huyện Phú Xuyên	3 408	129	129		3 279
29	UBND huyện Mỹ Đức	3 209	130	130		3 079
30	UBND huyện Mê Linh	3 261	139	139		3 122
IV	<b>KHỐI HỘI ĐẶC THÙ THUỘC PHẠM VI CẤP THÀNH PHỐ, CẤP HUYỆN</b>	<b>160</b>				<b>160</b>
a	<b>Khối Hội đặc thù thuộc phạm vi Thành phố</b>	<b>75</b>				<b>75</b>
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	3				3
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	9				9
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	3				3
4	Hội Chữ thập đỏ	16				16
5	Hội Luật gia	2				2
6	Hội Nhà báo	3				3
7	Hội Đông y	17				17
8	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	22				22
b	<b>Khối Hội đặc thù thuộc UBND quận, huyện, thị xã</b>	<b>85</b>				<b>85</b>
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	6				6
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	3				3
3	UBND Quận Ba Đình	1				1
4	UBND Quận Đống Đa	7				7

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2023				Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)
		Tổng cộng	Biên chế công chức		Trong đó:	
			Tổng số	Khối công chức cấp huyện trở lên		
5	UBND Quận Tây Hồ	1				1
6	UBND Quận Thanh Xuân	4				4
7	UBND Quận Hoàng Mai	4				4
8	UBND Quận Long Biên	3				3
9	UBND Quận Hà Đông	4				4
10	UBND Huyện Thanh Trì	3				3
11	UBND Huyện Gia Lâm	4				4
12	UBND Huyện Đông Anh	4				4
13	UBND Huyện Sóc Sơn	6				6
14	UBND Huyện Ba Vì	3				3
15	UBND Thị xã Sơn Tây	2				2
16	UBND Huyện Thạch Thất	2				2
17	UBND Huyện Phúc Thọ	3				3
18	UBND Huyện Đan Phượng	3				3
19	UBND Huyện Hoài Đức	3				3
20	UBND Huyện Quốc Oai	2				2
21	UBND Huyện Chương Mỹ	3				3
22	UBND Huyện Thanh Oai	2				2
23	UBND Huyện Thường Tín	3				3
24	UBND Huyện Ứng Hòa	2				2
25	UBND Huyện Phú Xuyên	2				2
26	UBND Huyện Mỹ Đức	3				3
27	UBND Huyện Mê Linh	2				2

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG  
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ HỘI THUỘC PHẠM VI  
CẤP THÀNH PHỐ, CẤP HUYỆN NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố)*

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023			
		Tổng cộng	Trong đó:		
			HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HĐLĐ định mức
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	Khối cơ quan, tổ chức hành chính
	<b>TOÀN THÀNH PHỐ</b>	<b>19 787</b>	<b>1 079</b>	<b>10 415</b>	<b>8 293</b>
<b>I</b>	<b>KHỐI CÁC SỞ, NGÀNH</b>	<b>3 836</b>	<b>678</b>	<b>3 142</b>	<b>16</b>
1	Văn phòng UBND Thành phố	47	46	1	
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	13	13		
3	Sở Thông tin và Truyền thông	13	10	3	
4	Sở Nội vụ	32	32		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	203	101	102	
6	Sở Công Thương	23	15	8	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14	12	2	
8	Sở Tài chính	13	10	3	
9	Sở Xây dựng	20	20		
10	Sở Giao thông Vận tải	293	283	10	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	28	13	15	
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1 119	7	1 112	
13	Sở Giáo dục và đào tạo	554	15	523	16
14	Sở Y tế	1 192	26	1 166	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	198	12	186	
16	Sở Du lịch	6	6		
17	Sở Tư pháp	12	7	5	
18	Sở Ngoại vụ	7	7		
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	16	13	3	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	15	12	3	
21	Thanh tra Thành phố	6	6		
22	Ban Dân tộc	6	6		
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	6	6		
<b>II</b>	<b>KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND THÀNH PHỐ</b>	<b>141</b>		<b>141</b>	
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	12		12	



STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HĐLĐ định mức	
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước
2	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	85		85		
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	4		4		
4	Trường Đại học Thủ đô	12		12		
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	3		3		
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	12		12		
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	4		4		
8	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	9		9		
<b>III</b>	<b>KHỐI CHÍNH QUYỀN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ</b>	<b>15 612</b>	<b>401</b>	<b>7 114</b>	<b>8 097</b>	
1	UBND quận Hoàn Kiếm	290	6	174	110	
2	UBND quận Hai Bà Trưng	444	24	227	193	
3	UBND Quận Ba Đình	357	15	196	146	
4	UBND quận Đống Đa	471	23	248	200	
5	UBND quận Tây Hồ	229	14	99	116	
6	UBND Quận Thanh Xuân	345	13	141	191	
7	UBND quận Cầu Giấy	339	12	140	187	
8	UBND Quận Hoàng Mai	466	12	216	238	
9	UBND Quận Long Biên	608	6	238	364	
10	UBND quận Nam Từ Liêm	330	15	133	182	
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	375	12	158	205	
12	UBND quận Hà Đông	675	15	239	421	
13	UBND huyện Thanh Trì	652	12	294	346	
14	UBND huyện Gia Lâm	578	17	271	290	
15	UBND huyện Đông Anh	732	7	281	444	
16	UBND huyện Sóc Sơn	829	17	400	412	
17	UBND Huyện Ba Vì	827	13	437	377	
18	UBND thị xã Sơn Tây	356	11	172	173	
19	UBND huyện Thạch Thất	508	9	240	259	
20	UBND huyện Phúc Thọ	480	11	217	252	
21	UBND huyện Đan Phượng	402	16	179	207	
22	UBND huyện Hoài Đức	642	9	221	412	
23	UBND huyện Quốc Oai	577	12	288	277	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			HDLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP			HDLĐ định mức
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước		Khối cơ quan, tổ chức hành chính
24	UBND huyện Chương Mỹ	704	21	328	355	
25	UBND huyện Thanh Oai	461	9	204	248	
26	UBND huyện Thường Tín	553	9	266	278	
27	UBND huyện Ứng Hòa	553	18	270	265	
28	UBND huyện Phú Xuyên	600	11	257	332	
29	UBND huyện Mỹ Đức	675	17	365	293	
30	UBND huyện Mê Linh	554	15	215	324	
<b>IV</b>	<b>KHỐI HỘI ĐẶC THÙ THUỘC PHẠM VI CẤP THÀNH PHỐ, CẤP HUYỆN</b>	<b>198</b>		<b>18</b>	<b>180</b>	
<b>a</b>	<b>Khối Hội đặc thù thuộc phạm vi Thành phố</b>	<b>85</b>		<b>16</b>	<b>69</b>	
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	12		1	11	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	2		2		
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	5		1	4	
4	Hội Chữ thập đỏ	5		2	3	
5	Hội Người mù	26		4	22	
6	Hội Luật gia	2			2	
7	Hội Nhà báo	2		1	1	
8	Hội Đông y	6		2	4	
9	Hội Khuyến học	1			1	
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6	
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	16		1	15	
<b>b</b>	<b>Khối Hội đặc thù thuộc UBND quận, huyện, thị xã</b>	<b>113</b>		<b>2</b>	<b>111</b>	
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	2			2	
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	4			4	
3	UBND Quận Ba Đình	5			5	
4	UBND Quận Đống Đa	1			1	
5	UBND Quận Tây Hồ	6			6	
6	UBND Quận Thanh Xuân	5			5	
7	UBND Quận Cầu Giấy	7			7	
8	UBND Quận Hoàng Mai	3			3	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			HĐLĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP		HĐLĐ định mức	
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước	Khối cơ quan, tổ chức hành chính	Khối đơn vị sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước
9	UBND Quận Long Biên	4				4
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	7				7
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	7				7
12	UBND Quận Hà Đông	2				2
13	UBND Huyện Thanh Trì	4				4
14	UBND Huyện Gia Lâm	2				2
15	UBND Huyện Đông Anh	4				4
16	UBND Huyện Sóc Sơn	2				2
17	UBND Huyện Ba Vì	5		2		3
18	UBND Thị xã Sơn Tây	4				4
19	UBND Huyện Thạch Thất	4				4
20	UBND Huyện Phúc Thọ	2				2
21	UBND Huyện Đan Phượng	3				3
22	UBND Huyện Hoài Đức	3				3
23	UBND Huyện Quốc Oai	4				4
24	UBND Huyện Chương Mỹ	3				3
25	UBND Huyện Thanh Oai	5				5
26	UBND Huyện Thường Tín	3				3
27	UBND Huyện Ứng Hòa	4				4
28	UBND Huyện Phú Xuyên	2				2
29	UBND Huyện Mỹ Đức	3				3
30	UBND Huyện Mê Linh	3				3